TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số : 85/2020/KDTM - PT.
Ngày : 19,23/6/2020
V/v: *Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: ***Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.***

Các Thẩm phán : ***Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền***

Bà Ngô Tuyết Băng

Thư ký Toà án nhân dân TP Hà Nội ghi biên bản phiên toà : Bà Dương Thị Huệ

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội****: Bà Nguyễn thị Kim Thanh - KSV***

Ngày 19,23 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 33/2020/TLPT - KDTM ngày 09 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp: Hợp đồng tín dụng.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 28/2019/ KDTM – ST ngày 24/9/2019 và 16/10/2019 của Tòa án nhân dân Quận HĐ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 78/2020/QĐPT – KDTM ngày 16 tháng 3 năm 2020, Quyết định hoãn phiên toà số 220/QĐPT- KDTM ngày 25 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự :

Nguyên đơn:*Ngân hàng thương mại cổ phần VT (gọi tắt VT Bank)*

Trụ sở : 89 phố LH , phường LH , quận ĐĐ , thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền bà Phạm Thị T , ông Nguyễn Văn T, ông Hoàng Thái S theo giấy ủy quyền số 609/2018/UQ-VPB ngày 06/9/2018.

Bị đơn: *Công ty cổ phần CND (gọi tắt Công ty CND)*

Trụ sở: đường 430 khối CT, phường VP, quận HĐ , Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật bà Vũ Thị T , SN 1983 – Giám đốc Công ty

HKTT: khu tập thể Công trường 4, xã VQ, huyện TT , Hà Nội

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- *Ông Nguyễn Bích L ,* sinh năm 1964

- *Bà Nguyễn Thị P* , sinh năm 1968
- *Anh Nguyễn Hồng Ph* , sinh năm 1998;
- *Anh Nguyễn Hồng Ph 1* , sinh năm 1996

Cùng trú tại: số nhà 31 ngõ 345 phố KT , tổ 5, cụm 1, phường KĐ , quận TX , thành phố Hà Nội.

- *Ông Nguyễn Doãn T* , sinh năm 1961
- *Bà Nguyễn Thị Th* , sinh năm 1963
- *Anh Nguyễn Tiến Đ* , sinh năm 1987
- *Chị Phan Thị Thu H* , sinh năm 1987
- *Anh Nguyễn Tiến D* , sinh năm 1989
- *Chị Đặng Thị Hồng V* , sinh năm 1989
- *Cháu Nguyễn Phan Hà L* , sinh năm 2012;
- *Cháu Nguyễn Phan Minh H* , sinh năm 2015;
- *Cháu Nguyễn Hà A* , sinh năm 2018 (cháu L, cháu H do anh Đ, chị H đại diện; cháu Hà A do anh D, chị V đại diện)

Cùng trú tại: số 7 ngõ 192 KG , phường ĐK , quận HM , Hà Nội.

- *Ông Đào Quốc Th 2* , sinh năm 1958

Trú tại: số 67 NT , KT , TX , Hà Nội.

- *Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông quân đội*.

Địa chỉ: số 1 Trần HD , phường MĐ 2, quậnNTL , Hà Nội

Đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn Th , sinh năm 1979 theo giấy ủy quyền số 2465/UQ-CNVTQĐ-HN1 ngày 14/6/2019

- *Công ty CP XNK SV* (nay là Công ty cổ phần tập đoàn SV)

Trụ sở: Lô 56, đường ĐV, phường NQ, thành phố Hải Phòng

Địa chỉ hiện nay: số 91 HTT, PL 6, phường ĐH, quận HA, thành phố Hải Phòng .

Bà Tới, ông T , bà P , ông Th 2 , ông L có mặt. Các đương sự khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai của VT Bank nội dung vụ án như sau :

Công ty CND vay vốn tại VT Bank cụ thể như sau:

1/Ngày 11/5/2011 VT Bank và Công ty CND ký Hợp đồng tín dụng số LD1112600207 mức cấp tín dụng là 700.000.000 đồng, giải ngân theo 01 khế ước

nhận nợ ngày 11/5/2011 với mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua vật liệu cho Công ty in Chí Nam; Thời hạn vay: 06 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; Lãi suất cho vay: 25%/năm; điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất của VT Bank đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 11,5%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn;

2/Ngày 05/8/2011 VT Bank và Công ty CND ký Hợp đồng tín dụng số LD1121600154 mức cấp tín dụng là: 2.300.000.000 đồng, giải ngân theo 01 khế ước nhận nợ ngày 05/8/2011 với mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua vật liệu cho Công ty in Chí Nam; Thời hạn vay: 06 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; Lãi suất cho vay: 24%/năm; điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất của VT Bank đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 11%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Phạt chậm trả lãi: đến kỳ thanh toán theo thỏa thuận, bên vay không thanh toán các khoản nợ thì phải chịu tiền phạt chậm trả lãi bằng 0,05%/ngày, tính trên số tiền lãi chậm trả và số ngày chậm trả, bắt đầu tính từ thời điểm quá hạn cho đến khi bên vay thanh toán hết nợ lãi quá hạn.

Toàn bộ khoản vay, tiền lãi, chi phí khác phát sinh từ hai Hợp đồng tín dụng nêu trên được bảo đảm bằng các tài sản bảo đảm sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 82, tờ bản đồ số 06, phường ĐK , quận HM , Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD518096 do UBND quận HM cấp ngày 30/12/2005 mang tên ông Nguyễn Doãn T và bà Nguyễn Thị Th , thế chấp tại VT Bank theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 15299.09, quyển số 03/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/12/2009, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký nhà đất quận HM , Hà Nội ngày 16/12/2009.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số (193-3)-2, tờ bản đồ số 16-B-III-1(1995), tổ 5, cụm 1, phường KĐ , quận TX , Hà Nội, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD310217 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 21/7/2009, hồ sơ gốc số 5328.200.QĐUB/23078.2000, mang tên ông Nguyễn Bích L và bà Nguyễn Thị P , thế chấp tại VT Bank theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 5826.10, quyển số 02/TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 23/6/2010, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký nhà đất quận TX , thành phố Hà Nội ngày 23/6/2010.

VT Bank đã giải ngân cho Công ty CND vay tổng số tiền 3.000.000.000 đồng, Công ty CND đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, khoản nợ 700.000.000 đồng đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 30/9/2011 và khoản nợ 2.300.000.000 đồng đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 04/11/2011.

Nay, VT Bank đề nghị Tòa án nhân dân quận HĐ , thành phố Hà Nội xem xét giải quyết:

1. Buộc Công ty cổ phần CND phải thanh toán cho VT Bank toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản tiền phát sinh liên quan theo 02 Hợp đồng tín dụng, tính đến hết ngày 16/10/2019 gồm:

+ Nợ gốc: 3.000.000.000 đồng

+ Nợ lãi 7.093.160.264 đồng

+ Phạt chậm trả lãi: 5.635.528.667 đồng.

Tổng cộng: 15.728.688.931 đồng

2. Yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi, phạt chậm trả lãi theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến ngày Công ty CND thực tế thanh toán hết các khoản nợ.

3. Trường hợp Công ty CND không trả hoặc trả không đầy đủ, đề nghị Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, cụ thể là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 82, tờ bản đồ số 06, phường ĐK , quận HM , Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD518096 do UBND quận HM cấp ngày 30/12/2005 mang tên ông Nguyễn Doãn T và bà Nguyễn Thị Th .

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số (193-3)-2, tờ bản đồ số 16-B-III-1(1995), tổ 5, cụm 1, phường KĐ , quận TX , Hà Nội, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD310217 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 21/7/2009, hồ sơ gốc số 5328.200.QĐUB/23078.2000, mang tên ông Nguyễn Bích L và bà Nguyễn Thị P .

4. Trường hợp các tài sản bảo đảm nêu trên không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên kê biên, phát mại các tài sản thuộc sở hữu của Công ty CND để trả nợ cho VT Bank .

Tại phiên tòa sơ thẩm VT Bank có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện: rút phần tiền phạt chậm trả lãi là 5.635.528.667 đồng.

Công ty CND do bà Vũ Thị T – Giám đốc trình bày: Bà Tâm làm việc tại Công ty CND từ tháng 5/2003 với nhiều công việc như thủ quỹ, kế toán, không phải là Giám đốc Công ty, nên bà Tâm không biết việc vay nợ và không có ý kiến gì.

Theo công văn số 1634 ngày 21/4/2014 của Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội thể hiện Công ty CND đã đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 với nội dung thay đổi bà Vũ Thị T làm Giám đốc , đại diện theo pháp luật của Công ty CND. Trình tự thủ tục thay đổi theo đúng theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Doãn T , bà Nguyễn Thị Th , ông Nguyễn Bích L , bà Nguyễn Thị P trình bày: Các ông, bà đều xác nhận có ký hợp đồng thế chấp, dùng tài sản của mình để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty CND. Bà P , ông L chỉ bảo đảm cho khoản vay 400.000.000 đồng do ông Th 2 vay của Công ty CND, chứ không bảo đảm cho khoản vay 3 tỷ đồng như VT Bank trình bày. Nay VT Bank khởi kiện, ông L , bà P chỉ đồng ý trả khoản vay 400.000.000 đồng và khoản lãi từ năm 2009 đến nay. Ông Nguyễn Doãn T , bà Nguyễn Thị Th , ông Nguyễn Bích L , bà Nguyễn Thị P xác định do không ký vào Hợp đồng tín dụng số LD1112600207 ngày 11/5/2011 và Hợp đồng tín dụng số LD1121600154 ngày 05/8/2011, nên không có trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty CND.

Ông Đào Quốc Th 2 trình bày: Do quen biết với giám đốc của Công ty CND là ông Nguyễn Chí Dũng nên ông Th 2 đã nhờ ông Nguyễn Bích L và bà Nguyễn Thị P dùng tài sản là nhà đất của ông L , bà P tại số 31 tổ 5 cụm 1, ngõ 345 phố KT , phường KĐ , quận TX , Hà Nội để thế chấp tại VT Bank cho Công ty CND vay tiền. Sau đó ông Th 2 được vay lại từ Công ty CND số tiền 400.000.000đồng. Nay ông Th 2 đồng ý trả VT Bank số tiền 400.000.000 đồng tiền gốc và 50.000.000 đồng tiền lãi và đề nghị VT Bank trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L và bà P .

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông Nguyễn Chí Dũng – nguyên giám đốc Công ty CND thể hiện: thời gian tháng 5 và tháng 8 năm 2011 Công ty CND do ông Dũng là giám đốc, Công ty CND đã dùng tài sản của gia đình ông T , bà P để vay vốn ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số LD1112600207 ngày 11/5/2011 và Hợp đồng tín dụng số LD1121600154, ngày 05/8/2011 với tổng số tiền vay là 3 tỷ đồng. Hiện tại Công ty vẫn còn nợ VT Bank 3 tỷ đồng tiền gốc, về phần lãi mới trả được 06 tháng tiền lãi. Sau khi ông Dũng không làm giám đốc nữa thì bà Vũ Thị T làm giám đốc Công ty.

Anh Nguyễn Hồng Ph và Nguyễn Hồng Ph 1 trình bày: Anh Phong, anh Phi con của ông L , bà P . Ngày 23/6/2010 ông L , bà P đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho VT Bank, các anh không được biết, vì lúc đó các anh còn nhỏ và không đóng góp công sức gì đối với nhà đất của ông L , bà P . Nay các anh đề nghị giải quyết theo pháp luật điều kiện cho gia đình lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Anh Nguyễn Tiến Đ , anh Nguyễn Tiến D , chị Phan Thị Thu H , chị Đặng Thị Hồng V trình bày: Anh Đạt, anh Dũng, chị Hiền, chị Vân là con trai và con dâu của ông T , bà Th , được biết năm 2009 ông T , bà Thuỷ có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất tại số 7 ngõ 192 đường KG , phường ĐK , quận HM , Hà Nội để đảm bảo cho Công ty CND vay vốn của VT Bank. Việc vay nợ như thế nào không được biết, Công ty CND vay VT Bank thì Công ty phải có nghĩa vụ phải trả, gia đình không đồng ý phát mại tài sản thế chấp.

Tập đoàn Công nghiệp viễn thông Quân Đội do anh Nguyễn Văn Th đại diện trình bày: Ngày 19/11/2007 Công ty điện thoại di động Vietlel nay là Viettel Hà Nội – chi nhánh tập đoàn công nghiệp viễn thông Quân Đội ký hợp đồng thuê mặt bằng đặt trạm PTS tại số 7, ngõ 192, tổ 29, phường ĐK , HM , Hà Nội của ông Nguyễn Doãn T , bà Nguyễn Thị Th . Thời hạn thuê là 05 năm, hợp đồng gần đây nhất là ngày 20/11/2017 đến ngày 20/11/2022, giá thuê là 7.900.000 đồng/tháng. Nay Viettel được biết nhà đất ông T , bà Th đã được thế chấp tại Ngân hàng, nếu sau này nhà đất của ông T , bà Th bị phát mại thì Viettel đề nghị được tiếp tục thuê.

Công ty cổ phần tập đoàn SV trình bày: Ngày 01/4/2012 Công ty có ký hợp đồng số 0104/HĐKT về việc thuê mặt bằng đặt trạm thông tin di động trạm BTS Cầu Lủ với ông Nguyễn Doãn T , bà Nguyễn Thị Th . Khi ký hợp đồng Công ty không biết tài sản của ông T , bà Th đang thế chấp tại ngân hàng. Nay Công ty được biết, Công ty sẽ tuân thủ chấp hành mọi sự phán quyết của Tòa và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án :

Ngày 22/10/2018 và ngày 30/10/2018, ông Nguyễn Doãn T , bà Nguyễn Thị P có đơn đề nghị giám định chữ ký, cho rằng chữ ký trong hai hợp đồng tín dụng số LD1121600154 ngày 05/8/2011 và số LD1112600297 ngày 11/5/2011 không phải là chữ ký của ông T , bà P .

Tại kết luận giám định số 379/C09-P5 ngày 16/01/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận:

- Chữ ký "thạc", các chữ "Nguyễn Doãn T " dưới mục "PHẦN KÝ XÁC NHẬN ĐẢM BẢO CỦA BÊN THỨ BA" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Doãn T trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M3, M5, M6, M7,M8 không phải do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký "Thạc", các chữ "ng Doãn Thạc" dưới mục "PHẦN KÝ XÁC NHẬN ĐẢM BẢO CỦA BÊN THỨ BA" trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Doãn T trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M3, M5, M6, M7, M8 do cùng một người viết ra.

- Chữ ký "Phương", các chữ ký "Nguyễn Thị P " dưới mục "PHẦN KÝ XÁC NHẬN ĐẢM BẢO CỦA BÊN THỨ BA" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị P trên các mẫu so sánh ký hiệu M2, M4, M5, M6, M8, M9, M10 không phải do cùng một người ký, viết ra.

Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 28/2019/ KDTM – ST ngày 24/9/2019 và 16/10/2019 của Tòa án nhân dân Quận HĐ đã quyết định như sau :

Xử: 1, Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP VT đối với Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Bao Bì CND.

2, Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của Ngân hàng TMCP VT : Về việc xin rút phần phạt chậm trả lãi là 5.635.528.667 đồng.

3, Buộc Công ty cổ phần CND phải thanh toán trả Ngân hàng TMCP VT , tổng số tiền tính đến hết ngày 16/10/2019 là: 7.998.136.374 đồng, trong đó nợ gốc là 3.000.000.000 đồng, nợ lãi là 4.998.136.374 đồng.

4, Không chấp nhận việc Ngân hàng TMCP VT yêu cầu Công ty cổ phần sản xuất thương mại và Bao Bì CND phải thanh toán 2.205.213.889 đồng tiền lãi quá hạn.

5, Trường hợp Công ty cổ phần CND không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, Ngân hàng TMCP VT có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng TMCP VT , cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 82, tờ bản đồ số 06, phường ĐK , quận HM , Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

AD518096 do UBND quận HM cấp ngày 30/12/2005 mang tên ông Nguyễn Doãn T và bà Nguyễn Thị Th .

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số (193-3)-2, tờ bản đồ số 16-B-III- a(1995), tổ 5, cụm 1, phường KĐ , quận TX , Hà Nội, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ310217 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 21/7/2009, hồ sơ gốc số 5328.2000.QĐUB/23078.2000, mang tên ông Nguyễn Bích L và bà Nguyễn Thị P .

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty cổ phần CND đối với Ngân hàng TMCP VT .

Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty cổ phần CND phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP VT .

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/10/2019), người phải thi hành án tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn thoả thuận trong 02 hợp đồng tín dụng số LD1112600207 ngày 11/5/2011 và hợp đồng tín dụng số LD1121600154 ngày 08/5/2011 tương ứng với thời gian chậm trả, cho đến khi trả xong nợ gốc.

6, Về án phí: Công ty cổ phần CND phải chịu 115.998.136 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP VT phải chịu 76.104.277 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Đã nộp 56.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000863 ngày 29/11/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự quận HĐ . Ngân hàng TMCP VT còn phải nộp 20.104.277 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại.

Sau khi xét xử sơ thẩm :

- VT Bank kháng cáo về việc Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận số tiền lãi quá hạn : 2.205.213.889đ và số tiền án phí do không được chấp nhận yêu cầu : 76.104.277đ.

- Ông Nguyễn Doãn T kháng cáo với nội dung : Hợp đồng tín dụng là giả mạo nên vô hiệu, ông T không biết về Hợp đồng tín dụng nên không chấp nhận việc Toà án sơ thẩm tuyên về việc xử lý tài sản thế chấp là nhà đất tại thửa đất số 82, tờ bản đồ số 06, phường ĐK , quận HM , Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD518096 do UBND quận HM cấp ngày 30/12/2005 mang tên ông Nguyễn Doãn T .

- Bà Nguyễn Thị P kháng cáo với nội dung : Hợp đồng tín dụng là giả mạo nên vô hiệu, bà P không biết về Hợp đồng tín dụng nên không chấp nhận việc Toà án sơ thẩm tuyên về việc xử lý tài sản thế chấp là nhà đất tại thửa đất số (193-3)-2, tờ bản đồ số 16-B-III-a(1995), tổ 5, cụm 1, phường KĐ , quận TX , Hà Nội, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ310217 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 21/7/2009, hồ sơ gốc số 5328.2000.QĐUB/23078.2000, mang tên ông Nguyễn Bích L và bà Nguyễn Thị P .

Tại phiên tòa phúc thẩm :

***** Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm 7 Nghị quyết 01/2019 chấp nhận yêu cầu đòi số tiền lãi suất quá hạn theo thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng là 2.205.213.889đ và số tiền án phí do không được chấp nhận yêu cầu : 76.104.277đ.

* Ông Nguyễn Doãn T , bà Nguyễn Thị P thống nhất giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xác định Hợp đồng tín dụng không có hiệu lực pháp luật do vậy không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của VT Bank .

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đơn kháng cáo của VT Bank ,ông Nguyễn Doãn T , bà Nguyễn Thị P trong thời hạn Luật định.

- Hợp đồng tín dụng được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện có nội dung, hình thức phù hợp với pháp luật nên phát sinh hiệu lực. Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của VT Bank buộc Công ty CND phải trả gốc 3 tỷ là có căn cứ, nên chấp nhận. Hai bên thoả thuận về lãi suất phù hợp Luật các tổ chức tín dụng, Bộ luật dân sự, điều 7 Nghị quyết 01/HĐTP/2019 do vậy chấp nhận yêu cầu đòi lãi suất quá hạn của VT Bank. Hợp đồng thế chấp được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện có nội dung, hình thức phù hợp với pháp luật nên phát sinh hiệu lực, từ những phân tích trên, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 điều 308, 309 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu kháng cáo của VT Bank, không chấp nhận kháng cáo của ông T , bà P đề nghị sửa bản án sơ thẩm về lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- **Về thủ tục tố tụng** : Đơn kháng cáo của VT Bank, Ông Nguyễn Doãn T Bà Nguyễn Thị P trong thời hạn Luật định và hợp lệ.

- Công ty CND có trụ sở tại quận HĐ , thành phố Hà Nội, do vậy, Toà án nhân dân quận HĐ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Công ty CND, và những người có quyền lợi và liên quan khác, nhưng các đương sự nêu trên đều vắng mặt không có lý do, do vậy căn cứ khoản 3 điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- **Về nội dung**:

1/ Về hợp đồng tín dụng :

Công ty CND, VT Bank ký kết 02 Hợp đồng tín dụng số LD1112600207 ngày 11/5/2011 và Hợp đồng tín dụng số LD1121600154, ngày 05/8/2011 trên cơ sở tự nguyện phù hợp với các Điều 471,476 Bộ luật dân sự năm 2005, nên phát sinh hiệu lực. VT Bank đã giải ngân cho Công ty CND vay tổng số tiền 3.000.000.000 đồng theo 02 khế ước nhận nợ và 02 Uỷ nhiệm chi ngày 11/5/2011 và 5/8/2011. Ngày 19/3/2012, 25/6/2012, 20/11/2013 ông Nguyễn Chí Dũng – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CND xác nhận Công ty CND có vay của VT Bank số tiền 3.000.000.000đ và đến nay chưa trả. Thấy rằng việc Toà án cấp sơ thẩm buộc Công ty CND phải có trách nhiệm trả VT Bank số tiền nợ gốc 3.000.000.000đ là có căn cứ , nên chấp nhận.

Khoản 1,2 điều 2 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 15299.09, quyển số 03/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/12/2009, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 5826.10, quyển số 02/TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 23/6/2010 quy định : " *1.Tài sản thế chấp nêu tại Điều 1 Hợp đồng này bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ bào gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền bồi thường thiệt hại...của Bên vay đối với Ngân hàng phát sinh từ tất cả các Hợp đồng tín dụng, văn bản tín dụng được ký kết giữa Bên vay và Bên Ngân hàng trong khoảng thời gian từ 23/6/2010 và 23/6/2015 . 2.Các nội dung liên quan đến việc cấp tín dụng*

như số tiền cấp tín dụng, thời hạn cấp tín dụng, lãi suất, phí ...do Bên vay toàn quyền quyết định và thoả thuận với bên Ngân hàng trong các văn bản tín dụng. Bên thế chấp có thể cùng ký hoặc không ký vào các văn bản tín dụng này, cam kết chấp nhận vô điều kiện các nội dung và đồng ý đảm bảo cho tất cả các Hợp đồng tín dụng, văn bản tín dụng đó". Căn cứ vào nội dung trên, Hợp đồng tín dụng số LD1112600207 ngày 11/5/2011 và Hợp đồng tín dụng số LD1121600154 ngày 05/8/2011 được ký kết giữa VT Bank và Công ty CND trên cơ sở tự nguyện, phù hợp pháp luật do vậy phát sinh hiệu lực mà không cần người thế chấp là ông T , bà Thuỷ, ông L , bà P tham gia ký kết vào hợp đồng tín dụng nêu trên , do vậy không chấp nhận kháng cáo của ông T , bà P về việc Hợp đồng tín dụng vô hiệu.

- Về lãi suất :

Công ty CND, VT Bank ký kết khế ước nhận nợ ngày 11/5/2011 với mức lãi suất 25%/năm, khế ước nhận nợ ngày 5/8/2011 với mức lãi suất 24%/năm – thời hạn vay 06 tháng. Xét thấy tại thời điểm hai bên ký kết hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ 11/5/2011, 5/8/2011 hai bên thoả thuận về lãi suất cho vay là phù hợp với Thông tư 12/2010/TTNHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước. Từ năm 2012 Ngân hàng nhà nước có quyết định điều chỉnh lãi suất nhằm thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 10/5/2012 của Chính Phủ về việc ổn định kinh tế vĩ mô , các Ngân hàng phải tuân thủ thực hiện, như vậy mức lãi suất cho vay của VT Bank sẽ thay đổi theo việc điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng nhà nước từng thời điểm, do vậy Tòa án phải căn cứ vào các quyết định của Ngân hàng nhà nước về việc điều chỉnh lãi xuất để xem xét áp dụng mức lãi suất theo quy định. Thấy rằng, việc VT Bank buộc Công ty CND thanh toán mức lãi suất quá hạn 150% trên mức lãi suất 25% giảm xuống 18,65% kể từ ngày 30/9/2011 và ngày 4/11/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm là chưa phù hợp với các quy định về lãi suất cho vay do Ngân hàng Nhà nước quy định, do vậy không chấp nhận yêu cầu kháng cáo về lãi suất quá hạn và án phí của VT Bank. Công ty CND sản xuất bao bì thuộc doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Nghị định 56/2009/NĐ- CP ngày 30/6/2009 của Chính Phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, do vậy mức lãi suất phải căn cứ vào Thông tư 14/2012/TT-NHNN ngày 4/5/2012 , Thông tư 20/2012/TT-NHNN ngày 08/6/2012, Thông tư số 33/2012/TT-NHNN ngày 21/12/2012;Thông tư số 09/2013/TT-NHNN ngày 25/3/2013;Thông tư số 10/2013/TT-NHMM ngày 10/5/2013; Thông tư số 16/2013/TT-NHNN ngày 27/6/2013; Thông tư số

08/2014/TT-NHNN ngày 17/3/2014; Quyết định số 499/QĐ-NHNN ngày 17/3/2014; Quyết định số 2174/QĐ-NHNN ngày 28/10/2014; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Quyết định số 1425/QĐ-NHNN ngày 07/7/2017, theo đó mức lãi suất thay đổi giảm dần từ 14%/năm xuống 6,5%/năm, do vậy việc Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận mức lãi suất quá hạn 20% /năm là chưa phù hợp, cần sửa án sơ thẩm về lãi suất cụ thể buộc Công ty CND trả nợ lãi là 3.501.625.000đ.

2/ Về Hợp đồng thế chấp :

- Ngày 15/12/2009, ông Nguyễn Doãn T , bà Nguyễn Thị Th , VT Bank, Công ty CND ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 15299.09, quyển số 04/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/12/2009 do Phòng công chứng số 1- Thành phố Hà Nội lập với nội dung : ông Nguyễn Doãn T và bà Nguyễn Thị Th thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 82, tờ bản đồ số 06, phường ĐK , quận HM , Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD518096 do UBND quận HM cấp ngày 30/12/2005 cho VT Bank đảm bảo cho khoản vay của Công ty CND, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký nhà đất quận HM , Hà Nội ngày 16/12/2009.

- Ngày 23/6/2010 ông Nguyễn Bích L và bà Nguyễn Thị P , VT Bank, Công ty CND ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 5826.10, quyển số 02/TP/CC-SCC/HĐGD có xác nhận do Phòng công chứng số 1- Thành phố Hà Nội lập với nội dung : ông Nguyễn Bích L và bà Nguyễn Thị P thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số (193-3)-2, tờ bản đồ số 16-B-III-a(1995), tổ 5, cụm 1, phường KĐ , quận TX , Hà Nội, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ310217 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 21/7/2009, hồ sơ gốc số 5328.2000.QĐUB/23078.2000 cho VT Bank đảm bảo cho khoản vay của Công ty CND, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký nhà đất TX , thành phố Hà Nội ngày 23/6/2010.

Thấy rằng , các bên ký kết hợp đồng thế chấp có nội dung và hình thức phù hợp với các Điều 342, 343, 715 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 114, 115 Luật nhà ở năm 2005 và Điều 106 luật Đất đai năm 2003, được đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảm đảm và các quy định của pháp luật có liên quan, nên phát sinh hiệu lực, do vậy việc Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của VT Bank trong trường hợp nếu Công ty CND không trả nợ

thì VT Bank có quyền yêu cầu xử lý phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là phù hợp với pháp luật, do vậy không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Doãn T , và Nguyễn Thị P về việc không đồng ý xử lý tài sản đảm bảo. Toà án sơ thẩm ghi chưa chính xác về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất nên cần phải sửa cho chính xác .

Tuy nhiên việc Tòa án sơ thẩm quyết định VT Bank có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại 2 tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi khoản nợ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không quyết định cụ thể nghĩa vụ của mỗi tài sản sẽ làm khó khăn cho công tác thi hành án và ảnh hưởng đến quyền lợi và nghĩa vụ của Bên thế chấp, do vậy cần sửa án sơ thẩm theo hướng phân định rõ nghĩa vụ đối với từng tài sản khi xử lý tài sản đảm bảo.

Căn cứ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 15299.09, quyển số 04/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/12/2009 có nội dung : " *Bên Ngân hàng đồng ý cấp tín dụng cho bên vay với số tiền cao nhất là 3.100.000.000đ* ", Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 5826.10, quyển số 02/TP/CC-SCC/HĐGD, có nội dung : " *Bên Ngân hàng đồng ý cấp tín dụng cho bên vay với số tiền cao nhất là 660.000.000đ* " cần phân định nghĩa vụ đối với các tài sản đảm bảo và các bên thế chấp như sau :

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 82, tờ bản đồ số 06, phường ĐK , quận HM , Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD518096 do UBND quận HM cấp ngày 30/12/2005 mang tên ông Nguyễn Doãn T .

Nghĩa vụ bảo đảm bằng tài sản thế chấp nêu trên là nghĩa vụ trả 2.473.404.255đ nợ gốc và 2.887.089.812đ nợ lãi.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số (193-3)-2, tờ bản đồ số 16-B-III-a(1995), tổ 5, cụm 1, phường KĐ , quận TX , Hà Nội, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ310217 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 21/7/2009, hồ sơ gốc số 5328.2000.QĐUB/23078.2000, mang tên ông Nguyễn Bích L và bà Nguyễn Thị P .

Nghĩa vụ bảo đảm bằng tài sản thế chấp nêu trên là nghĩa vụ trả 526.595.745đ nợ gốc và 614.535.188đ nợ lãi.

Ông Đào Quốc Th 2 cho rằng nhờ ông Nguyễn Bích L và bà Nguyễn Thị P thế chấp nhà đất tại số 31 ngõ 345 phố KT , tổ 5, cụm 1, phường KĐ , quận TX , Hà Nội cho VT Bank cho Công ty CND vay tiền, sau đó Công ty CND cho ông Th 2 vay

số tiền 400.000.000 đồng. Xét thấy, ngoài lời khai ông Th 2 không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình, do vậy lời khai của ông Th 2 không có căn cứ để chấp nhận. Việc vay nợ giữa ông Th 2 với Công ty CND sau này nếu phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác, nếu các bên có yêu cầu.

* Về án phí: Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm. Do sửa án sơ thẩm về lãi suất nên xác định lại án phí sơ thẩm.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội 1 phần phù hợp với pháp luật.

Từ những nhận định trên!

Căn cứ điều 342, 343, 355, 361, 362, 369 , 450, 471, 474, 476, 715 Bộ luật dân sự 2005.

Căn cứ điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 148, khoản 2 điều 308, điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm; Nghị định 11/CP/2012 ngày 22/2/2011 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm.

Căn cứ khoản 2,4 điều 26, Khoản 2 điều 29,điều 48 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm,thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí , lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Xử : Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng TMCP VT , chấp nhận 1 phần kháng cáo của ông Nguyễn Doãn T , Bà Nguyễn Thị P .

Sửa Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 28/2019/ KDTM – ST ngày 24/9/2019 và 16/10/2019 của Tòa án nhân dân Quận HĐ và quyết định như sau:

Xử: 1, Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP VT đối với Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Bao Bì CND.

2, Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi khoản phạt chậm trả lãi là 5.635.528.667 đồng của Ngân hàng TMCP VT do rút yêu cầu.

3, Buộc Công ty cổ phần CND phải thanh toán trả Ngân hàng TMCP VT , tổng số tiền tính đến hết ngày 16/10/2019 là : 6.501.625.000đồng (Sáu tỷ năm trăm linh một triệu sáu trăm hai lăm ngàn đồng),trong đó nợ gốc là 3.000.000.000 đồng, nợ lãi là 3.501.625.000đ.

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/10/2019), người phải thi hành án tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn thoả thuận trong 02 hợp đồng tín dụng số LD1112600207 ngày 11/5/2011 và hợp đồng tín dụng số LD1121600154 ngày 5/8/2011 tương ứng với thời gian chậm trả, cho đến khi trả xong nợ gốc.

4, Không chấp nhận việc Ngân hàng TMCP VT yêu cầu Công ty cổ phần CND phải thanh toán 3.591.535.264 đồng tiền lãi quá hạn.

5, Trường hợp Công ty cổ phần CND không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, Ngân hàng TMCP VT có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng TMCP VT , gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 82, tờ bản đồ số 06, phường ĐK , quận HM , Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD518096 do UBND quận HM cấp ngày 30/12/2005 mang tên ông Nguyễn Doãn T . Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 15299.09, quyển số 04/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/12/2009, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký nhà đất quận HM , Hà Nội ngày 16/12/2009.

Nghĩa vụ bảo đảm bằng tài sản thế chấp nêu trên là nghĩa vụ trả 2.473.404.255đ nợ gốc và 2.887.089.812đ nợ lãi.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số (193-3)-2, tờ bản đồ số 16-B-III-a(1995), tổ 5, cụm 1, phường KĐ , quận TX , Hà Nội, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ310217 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 21/7/2009, hồ sơ gốc số 5328.2000.QĐUB/23078.2000, mang tên ông Nguyễn Bích L và bà Nguyễn Thị P . Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 5826.10, quyển số 02/TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 23/6/2010, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký nhà đất quận TX , thành phố Hà Nội ngày 23/6/2010.

Nghĩa vụ bảo đảm bằng tài sản thế chấp nêu trên là nghĩa vụ trả 526.595.745đ nợ gốc và 614.535.188đ nợ lãi.

Trong trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp thì ngoài các thành viên trong hộ

gia đình trong vụ án này đang cư trú tại diện tích đất nêu trên, nếu còn có những người khác có hộ khẩu tại địa chỉ trên hoặc không có hộ khẩu nhưng thực tế đang sinh sống tại địa chỉ trên cũng phải có trách nhiệm chuyển tài sản, đồ đạc ra khỏi khuôn viên tài sản thế chấp để thi hành án.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty cổ phần CND đối với Ngân hàng TMCP VT .

Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty cổ phần sản xuất thương mại và Bao Bì CND phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP VT .

6, Về án phí: Công ty cổ phần sản xuất thương mại và Bao Bì CND phải chịu 114.501.625 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP VT phải chịu 103.820.000đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được trừ vào số tiền 56.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000863 ngày 29/11/2012 và 2.000.000đ tại biên lai số 8353 ngày 29/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận HĐ , còn phải nộp 45.820.000đồng.

Trả lại ông Nguyễn Doãn T 2.000.000đ tại biên lai số 8347 ngày 25/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận HĐ , trả lại bà Nguyễn Thị P 2.000.000đ tại biên lai số 8346 ngày 25/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận HĐ .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 23/6/2020.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Nơi nhận:
- *Tòa án ND Quận HĐ ;*
- *Viên kiểm sát ND TP Hà Nội;*
- *Đương sự.*
- *Lưu.*

Trường hợp, nếu số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán thì Công ty TNHH Một thành viên bia rượu Eresson tiếp tục có nghĩa vụ trả hết nợ số tiền còn thiếu cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam.

Án phí:- Công ty TNHH Một thành viên bia rượu Eresson phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch là 400.094.224 đồng (*Bốn trăm triệu không trăm chín tư nghìn hai trăm hai bốn đồng*) (chưa nộp) và 2.000.000đ án phí phúc thẩm, đã nộp 300.000đ tại biên lai tạm ứng án phí số 0016870 ngày 27/2/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mê Linh còn phải nộp 401.794.224đ. (*Bốn trăm linh một triệu bảy trăm chín tư nghìn hai trăm hai bốn đồng*)

- Hoàn trả Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (kế thừa của Công ty TNHH Một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam) số tiền

tạm ứng án phí 183.000.000đ (*Một trăm tám mươi ba triệu đồng*), theo biên lai tạm ứng án phí số 0004750 ngày 15/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mê Linh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 4/10/2019.

Các Thẩm phán **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Nơi nhận:
- TAND Quận Hai Bà Trưng.
- VKSND TP Hà nội .

TM. Hội đồng xét xử phúc thẩm
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

- Đương sự.
- Lưu.

Nguyễn Thị Hồng Hạnh